

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ R G
TỈNH KIÊN GIANG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 124/2020/HNGĐ-ST

Ngày: 24/12/2020

V/v: “Ly hôn giữa chị Tuấn A và anh V”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ R G, TỈNH KIÊN GIANG
- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: ông Bùi Tấn Nghĩa.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Mai Văn Bé Em.

2. Bà Lê Thị Mỹ.

Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Diễm Trinh – Thư ký Tòa án, Tòa án nhân dân thành phố R G.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố R G tham gia phiên tòa: Ông Huỳnh Thế Anh – Kiểm sát viên.

Ngày 24 tháng 12 năm 2020, tại phòng xử án của Tòa án nhân dân thành phố R G xét xử sơ thẩm công khai vụ án Hôn nhân và gia đình thụ lý số: 261/2020/TLST-HNGĐ, ngày 05 tháng 6 năm 2020, về việc: “*Tranh chấp ly hôn và nuôi con*” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 130/2020/QĐST-HNGĐ ngày 16 tháng 11 năm 2020 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Chị Trần Thị Tuấn A, sinh năm 1990; Địa chỉ cư trú: Số 85/8A, đường N T T, khu phố 6, phường R S, thành phố R G, tỉnh Kiên Giang. (Có mặt).

2. Bị đơn: Anh Bùi Quốc V, sinh năm 1990; Địa chỉ cư trú: Số 1079/4K, đường Lâm Quang Ky, phường A H, thành phố R G, tỉnh Kiên Giang. (Vắng mặt lần thứ 2).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện xin ly hôn đề ngày 27/5/2020 và trong quá trình xét xử nguyên đơn chị Trần Thị Tuấn A trình bày: Chị Tuấn A và anh V tự nguyện quen

nhau khoảng hơn 05 năm, đi đến tổ chức lễ cưới theo phong tục và chung sống vợ chồng vào năm 2012, quá trình chung sống không có đăng ký kết hôn.

Lý do chị Tuấn A yêu cầu xin ly hôn: Chị Tuấn A cho rằng do quá trình chung sống vợ chồng bất đồng quan điểm, bất đồng ý kiến, nguyên nhân chủ yếu là do anh V không lo làm ăn mà thích ăn chơi bài bạc; sống thiếu trách nhiệm, không quan tâm, lo lắng gì cho vợ con, từ đó vợ chồng phát sinh mâu thuẫn thường hay cự cãi, xúc phạm nhau. Cả hai đã nhiều lần tự hòa giải để hàn gắn lại tình cảm vợ chồng, cùng xây dựng mái ấm gia đình hạnh phúc. Tuy nhiên, sự cố gắng đó không mang lại kết quả mà mâu thuẫn ngày càng trở nên trầm trọng hơn. Thấy chung sống không hạnh phúc nên chị Tuấn A và anh V đã tự ly thân với nhau từ tháng 11/2019 cho đến nay. Nhận thấy, tình cảm không còn, mục đích hôn nhân không đạt được nên chị Tuấn A yêu cầu được ly hôn với anh V.

Về con chung: Chị Tuấn A xác nhận, vợ chồng chung sống có 01 người con chung tên Trần Bùi Trung K, sinh ngày 28/5/2014, hiện đang sống với chị Tuấn A.

Về tài sản chung, nợ chung: Chị Tuấn A xác nhận không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Quá trình tố tụng và tại phiên tòa chị Tuấn A yêu cầu:

Về hôn nhân: Chị Tuấn A yêu cầu được ly hôn với anh V.

Về con chung: Chị Tuấn A yêu cầu được tiếp tục nuôi con, không yêu cầu anh V cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung, nợ chung: Chị Tuấn A xác nhận không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

** Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố R G phát biểu ý kiến:*

Việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán: Qua kiểm sát việc giải quyết vụ án từ khi thụ lý vụ án đến thời điểm này thấy rằng Thẩm phán có vi phạm, cụ thể: việc ghi ý kiến người con chung của chị Tuấn A và anh V là chưa đúng quy định do người con chưa đủ 07 tuổi; vụ án thụ lý ngày 05/6/2020 đến ngày 16/11/2020 mới có Quyết định đưa vụ án ra xét xử là vi phạm về thời hạn chuẩn bị xét xử. Tuy nhiên, sai sót trên không làm thay đổi nội dung vụ án nên đề nghị Thẩm phán khắc phục.

Việc tuân theo pháp luật của Hội đồng xét xử: Tại phiên tòa hôm nay, Hội đồng xét xử, Thư ký đã thực hiện đúng các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự về phiên tòa sơ thẩm, đảm bảo tính khách quan của vụ án.

Đối với những người tham gia tố tụng: Nguyên đơn đã thực hiện đúng về quyền và nghĩa vụ khi tham gia tố tụng. Bị đơn đã được Tòa án triệu tập, thông báo hợp lệ các văn bản tố tụng của vụ án nhưng vẫn vắng mặt và không có ý kiến là chưa thực hiện đúng nghĩa vụ của mình.

Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng Điều 91 của Bộ luật tố tụng dân sự; Các Điều 9, 14, 15, 81 của Luật hôn nhân gia đình năm 2014, không công nhận quan hệ vợ chồng giữa chị Tuấn A với anh V. Chấp nhận yêu cầu nuôi dưỡng con chung và không yêu cầu ông V cấp dưỡng nuôi con của chị Tuấn A.

Tòa án có triệu tập anh V để hòa giải hôn nhân và gia đình, nhưng anh V vắng mặt, nên Tòa án đưa vụ kiện ra xét xử theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố R G. Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng: Tòa án đã thực hiện đầy đủ trình tự, thủ tục theo quy định Bộ luật tố tụng dân sự như: Thông báo thụ lý; Thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải; Quyết định đưa vụ án xét xử, Quyết định hoãn phiên tòa; Giấy báo phiên tòa hợp lệ, nhưng anh V cố tình lánh mặt không đến Tòa án. Tại phiên tòa nguyên đơn đồng ý xét xử vắng mặt bị đơn. Căn cứ vào điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử thống nhất xử vắng mặt bị đơn anh Bùi Quốc V.

[2] Nhận định về quan hệ hôn nhân: Tại phiên tòa chị Tuấn A xác nhận, chị Tuấn A và anh V tự nguyện quen nhau, đi đến tổ chức lễ cưới theo phong tục và chung sống vợ chồng vào năm 2012, không có đăng ký kết hôn. Đến tháng 11/2019 thì đôi bên đã tự ly thân với nhau cho đến nay. Tại khoản 1 Điều 14 của Luật hôn nhân gia đình năm 2014 có quy định: “1. Nam, nữ có đủ điều kiện kết hôn theo quy định của Luật này chung sống với nhau như vợ chồng mà không đăng ký kết hôn thì không làm phát sinh quyền, nghĩa vụ giữa vợ và chồng. Quyền, nghĩa vụ đối với con, tài sản, nghĩa vụ và hợp đồng giữa các bên được giải quyết theo quy định tại Điều 15 và Điều 16 của Luật này”. Do chị Tuấn A và anh V có đủ điều kiện kết hôn nhưng chung sống với nhau như vợ chồng mà không đăng ký kết hôn nên quá trình chung sống vợ chồng giữa chị Tuấn A và anh V không được pháp luật công nhận là hôn nhân hợp pháp. Hội đồng xét xử thống nhất quyết định không công nhận mối quan hệ vợ chồng giữa chị Tuấn A và anh V.

[3] *Về con chung*: Chị Tuấn A xác nhận có 01 người con tên Trần Bùi Trung K, sinh ngày 28/5/2014, hiện đang sống với chị Tuấn A.

Xét thấy, người con chung hiện do chị Tuấn A đang trực tiếp nuôi dưỡng; quá trình trông nom, nuôi dưỡng chị Tuấn A đã thực hiện đầy đủ quyền, nghĩa vụ của người mẹ đối với con; đảm bảo được quyền, lợi ích hợp pháp của con. Vì vậy, để đảm bảo môi trường sống, sự phát triển, quyền lợi mọi mặt đối với người con chung của chị Tuấn A và anh V. Trong phần nghị án Hội đồng xét xử thống nhất: Giao người con chung tên Trần Bùi Trung K, sinh ngày 28/5/2014 cho chị Tuấn A trực tiếp nuôi dưỡng là hoàn toàn phù hợp. Do chị Tuấn A không yêu cầu anh V cấp dưỡng nuôi con nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[4] *Về tài sản chung, nợ chung*: Chị Tuấn A xác nhận không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[5] *Tòa án có triệu tập* anh Bùi Quốc V để tiến hành mở phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải hôn nhân và gia đình. Tuy nhiên, anh V cố tình lánh mặt không đến Tòa án, không có văn bản thể hiện ý kiến đối với yêu cầu khởi kiện của chị Tuấn A. Trường hợp anh V có tranh chấp về tài sản chung, nợ chung của vợ chồng thì sẽ khởi kiện thành vụ kiện khác.

[6] *Về án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm*: Chị Tuấn A phải chịu án phí số tiền 300.000đ (Ba trăm ngàn đồng).

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng Điều 28; khoản 4 Điều 147; Điều 227, Điều 228, Điều 271, Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;

Áp dụng Điều 14, Điều 15, Điều 58, Điều 81, Điều 82 và Điều 83 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014;

Áp dụng điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Tuyên xử:

1. Không công nhận mối quan hệ vợ chồng giữa chị Trần Thị Tuấn A và anh Bùi Quốc V.

2. Về con chung: Giao người con chung tên Trần Bùi Trung K, sinh ngày 28/5/2014 cho chị Tuấn A trực tiếp nuôi dưỡng. Chị Tuấn A không yêu cầu anh V cấp dưỡng nuôi con.

Anh V được quyền tới lui thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung, không ai được cản trở. Người không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người đó.

3. Về tài sản chung, nợ chung: Chị Tuấn A xác nhận không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

4. Về án phí sơ thẩm ly hôn: Chị Tuấn A phải nộp 300.000 đồng. Chị Tuấn A đã tạm nộp 300.000 đồng theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí số 0004344, ngày 27/5/2020 tại Chi Cục Thi hành án Dân sự thành phố R G nên chị Tuấn A được khấu trừ.

5. Quyền kháng cáo: Nguyên đơn chị Tuấn A có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Bị đơn anh V vắng mặt tại phiên tòa thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận được bản án hoặc được tổng đạt hợp lệ.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án tự nguyện thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- TAND tỉnh Kiên Giang;
- VKSND TP. R G;
- THA DS TP. R G;
- UBND nơi đăng ký kết hôn;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Bùi Tấn Nghĩa